

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ về Tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 772/TTr-SKH-CN ngày 24 tháng 10 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; các thành viên: Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ KH-CN;
- Thường trực TU, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- CT và các PCT tỉnh;
- Báo TTH, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: CVP, PCVP Mai Hùng Tuấn, CV: TC;
- Lưu VT, CN;



Nguyễn Văn Cao

QUY CHẾ

Quản lý tài chính Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2502/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2011
của Ủy ban Nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Chế độ tài chính, kế toán

Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật về ngân sách, kế toán và các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động của Quỹ.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NGUỒN VỐN

Điều 4. Nguồn vốn của Quỹ

1. Nguồn vốn để cho vay được cấp lần đầu từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; được phân bổ 3 năm kể từ khi thành lập Quỹ.

2. Nguồn vốn tài trợ không thu hồi hình thành từ:

- Ngân sách tỉnh cấp bổ sung hàng năm.
- Các khoản đóng góp tự nguyện, hiến tặng, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Các khoản thu hồi từ thanh lý vật tư, thiết bị, sản phẩm từ việc thực hiện các đề tài/dự án cấp tỉnh hoặc Bộ/ngành Trung ương ủy quyền địa phương quản lý.

- Thu từ lãi cho vay.

3. Chi phí hoạt động thường xuyên của Quỹ: Do ngân sách cấp hàng năm từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh, bố trí trong dự toán của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Chuyển vốn dư

Quỹ được phép chuyển vốn dư ngân sách trong năm tài chính sang những năm tiếp theo, theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

Chương III **QUẢN LÝ VỐN**

Điều 6. Quản lý vốn vay

1. Đối tượng được vay: cá nhân, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có đề tài/dự án phục vụ trực tiếp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Tiêu chí cho vay: các đề tài/dự án đảm bảo các tiêu chí sau đây được đăng ký vay vốn của Quỹ:

a) Có hoạt động vay vốn được ghi tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thừa thiên Huế (*ban hành kèm theo Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 13/10/2010 của UBND tỉnh*).

b) Nếu là doanh nghiệp thì phải có 03 năm gần nhất có lãi liên tục; nếu là đơn vị sự nghiệp thì không phải là đơn vị đang chủ trì đề tài/dự án bằng ngân sách nhà nước chưa được quyết toán.

c) Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước (một phần hoặc toàn bộ).

d) Có hồ sơ đề tài/dự án theo quy định của Hội đồng quản lý quỹ.

đ) Nếu là cá nhân lập hồ sơ xin vay, hồ sơ có thêm:

- Hợp đồng nghiên cứu/ứng dụng với 01 doanh nghiệp làm ăn có lãi 03 năm liên tục gần nhất.

- Bản cam kết của doanh nghiệp có hợp đồng về việc doanh nghiệp sẽ trả khoản nợ vay của Quỹ thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân không trả được nợ vay.

3. Điều kiện cho vay

a) Cơ quan chủ trì: có đội ngũ cán bộ đủ năng lực đảm nhiệm, có điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện đề tài/dự án.

b) Cá nhân chủ trì: có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với đề tài/dự án xin vay vốn và có kinh nghiệm chủ trì ít nhất 01 đề tài dự/dự án tương tự.

4. Lãi suất, thời gian vay và tỷ lệ vốn cho vay so với tổng vốn đầu tư:

a) Lãi suất cho vay là 5% /năm; trong trường hợp lãi suất sàn do Ngân hàng Nhà nước công bố nhỏ hơn 10%/năm thì lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất sàn do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cho vay.

b) Thời gian cho vay từ 2 - 3 năm.

c) Tỷ lệ vốn cho vay so với tổng mức vốn đầu tư:

- Dự án được Hội đồng thẩm định đánh giá tính khả thi và hiệu quả đạt trên 80% trở lên: không cần thế chấp tài sản, mức vốn vay bằng 60% so với tổng vốn đầu tư nhưng mức vay tối đa không quá 01 tỷ đồng.

- Dự án được Hội đồng thẩm định đánh giá tính khả thi và hiệu quả đạt từ 60% đến 80%: phải ủy thác hoặc thế chấp tài sản tại ngân hàng; mức vốn vay bằng 40% so với tổng vốn đầu tư nhưng mức vay tối đa không quá 01 tỷ đồng.

5. Quy trình cho vay, thu hồi vốn, xử lý sai phạm và rủi ro

a) Tổ chức, cá nhân có đề tài/dự án đạt tiêu chí quy định tại mục 2 Điều 6, lập hồ sơ gửi về cơ quan điều hành Quỹ vào tháng 4 hoặc tháng 10 hàng năm.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thành lập Hội đồng thẩm định các đề tài/dự án để tham mưu đưa vào danh mục trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt các đề tài/dự án được vay vốn.

c) Căn cứ kế hoạch cho vay được duyệt, giám đốc Quỹ thương thảo ký hợp đồng cho vay với bên vay (là tổ chức - ký với cơ quan chủ trì; là cá nhân - ký trực tiếp với chủ nhiệm).

d) Xử lý sai phạm đối với một số trường hợp cho vay:

- Đối với các đề tài/dự án đã được tài trợ sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ tiêu chuẩn quy định, thì Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định dừng việc thanh toán kinh phí còn lại và thu hồi phần kinh phí sử dụng sai mục đích, sai chế độ. Ngoài ra, tùy theo mức độ sai phạm, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài/dự án còn phải chịu các chế tài xử lý vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp đề tài/dự án phải ngừng triển khai hoặc không đạt kết quả theo dự kiến do nguyên nhân khách quan (đơn vị chủ trì bị phá sản, chủ nhiệm đề tài/dự án qua đời hoặc mất tích, công trình nghiên cứu bị ảnh hưởng thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn,...) dẫn đến không đảm bảo hoàn trả kinh phí thu hồi, kinh phí cho vay thì được xem xét miễn, giảm kinh phí cho vay, lãi suất cho vay, gia hạn thời hạn vay.

+ Trong trường hợp này đơn vị chủ trì đề tài/dự án phải báo cáo kịp thời cho Cơ quan điều hành Quỹ bằng văn bản (kèm theo các hồ sơ liên quan như: Quyết định Công bố phá sản doanh nghiệp, giấy chứng tử, xác nhận mất tích của chính quyền địa phương, xác nhận của cơ quan phòng cháy chữa cháy, cơ quan phòng chống lụt bão về thiệt hại của đề tài/dự án, chương trình,...) để Cơ quan điều hành Quỹ kiểm tra, xác nhận về quá trình triển khai thực hiện và lý do phải ngừng triển khai; khả năng hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước.

+ Sau khi kiểm tra xác nhận hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro, cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền quy định tại điểm e khoản này.

- Trường hợp các đề tài/dự án vay vốn vi phạm hợp đồng, trả nợ thu hồi, nợ vay không đúng hạn, chủ dự án phải chịu lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đồng thời phải chịu trách nhiệm thực hiện các chế tài về thu nợ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật, không được vay vốn thực hiện dự án tiếp theo khi chưa trả hết nợ vay.

đ) Hình thức thu hồi vốn vay: việc thanh toán nợ vay được thực hiện ngay khi kết thúc thời hạn vay; việc trả lãi vay thực hiện hàng quý bắt đầu từ khi hợp đồng vay có hiệu lực.

e) Thẩm quyền xử lý rủi ro:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn thời hạn cho vay của các đề tài/dự án nhưng tổng thời gian cho vay được gia hạn không được vượt quá thời gian cho vay tối đa của từng loại đề tài/dự án.

- UBND tỉnh xem xét quyết định xử lý rủi ro đối với các trường hợp: miễn, giảm kinh phí thu hồi; miễn, giảm lãi cho vay đối với đề tài/dự án trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản lý Quỹ.

- Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo UBND tỉnh quyết định xóa nợ gốc cho vay đối với các đề tài/dự án trên cơ sở đề xuất của Cơ quan điều hành Quỹ.

Điều 7. Quản lý tài trợ vốn không hoàn lại

1. Đối tượng tài trợ: doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và hợp tác xã.

2. Tiêu chí tài trợ:

a) Có hoạt động tài trợ được ghi cụ thể tại khoản 1, Điều 4 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thừa thiên Huế (*ban hành kèm theo Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 13/10/2010 của UBND tỉnh*).

b) Có hồ sơ đề nghị tài trợ theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ và có tính khả thi được Hội đồng thẩm định tham mưu đề nghị với tỷ lệ từ 60% trở lên để trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Mức tài trợ tối đa cho một đề tài/dự án là không quá 100 triệu đồng.

3. Quy trình tài trợ: thực hiện như đối với các đề tài/dự án sử dụng vốn vay quy định tại Điều 6 Quy chế này.

4. Xử lý sai phạm đối với một số trường hợp tài trợ: doanh nghiệp không sử dụng vốn đúng mục đích, nếu phát hiện sai phạm, cơ quan quản lý Quỹ đề nghị Hội đồng thu hồi vốn tài trợ như trường hợp đối với vốn vay.

Điều 8. Chi phí thường xuyên

1. Hàng năm, cơ quan điều hành Quỹ lập dự toán chi hoạt động cho năm tiếp theo gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản thi hành Luật Ngân sách.

2. Nguồn chi phí thường xuyên để sử dụng:

a) Phụ cấp kiêm nhiệm cho Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán và các nhân viên văn phòng Quỹ.

b) Chi thù lao các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, thành viên Ban kiểm soát Quỹ.

c) Chi họp Hội đồng thẩm định, đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu.

d) Đi lại, công tác phí.

đ) Mua sắm trang thiết bị văn phòng.

e) Chi phí thu hồi nợ, thu hồi lãi vay.

g) Thông tin, tuyên truyền, quảng cáo cho các hoạt động của Quỹ.

h) Chi thường xuyên khác.

3. Chế độ quản lý chi tiêu thường xuyên: theo quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Chương IV

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, KẾ TOÁN, THỐNG KÊ

Điều 9. Lập và phê duyệt kế hoạch, báo cáo tài chính

1. Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch tài chính cho năm kế hoạch bao gồm các nội dung:

- a) Dự kiến số dư nguồn vốn Ngân sách Nhà nước, kế hoạch thu hồi vốn, kế hoạch thu hồi lãi vay, dự kiến kế hoạch huy động từ các nguồn khác...;
- b) Kế hoạch bổ sung vốn từ Ngân sách Nhà nước;
- c) Kế hoạch tài trợ, cho vay từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và ngoài nguồn vốn Ngân sách Nhà nước (nếu có);
- d) Kế hoạch chi hoạt động thường xuyên của bộ máy quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ gửi kế hoạch tài chính của Quỹ cho Ban kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt theo quy định.

3. Giám đốc Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ gửi Ban kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt theo quy định.

Điều 10. Công tác kế toán, thống kê

Quỹ phải tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật kế toán. Quỹ thực hiện công tác thống kê theo quy định của Luật thống kê và các văn bản hướng dẫn của Luật thống kê.

* Quỹ được áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 185/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để thực hiện công tác kế toán của Quỹ.

Điều 11. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm Quỹ lập và nộp báo cáo tài chính cho Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính theo Luật Ngân sách Nhà nước.

Chương V

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, XỬ LÝ VƯỚNG MẮC

Điều 12. Kiểm tra, giám sát

Sở Tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động về tài chính của Quỹ.

Điều 13. Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ nghiên cứu, kiến nghị UBND tỉnh giải quyết./.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Cao